

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 71

Phẩm 6: NÓI VỀ HIỀN THÁNH (PHẦN 15)

Nói rộng về các đạo thì sai biệt vô lượng, nghĩa là đạo thế gian, Kiến, Tu đạo v.v... xuất thế gian.

Nay nên tư duy, lựa chọn trong các đạo, lược nói có bao nhiêu thứ có khả năng thâm nhiếp khắp? Tụng rằng:

*Nên biết tất cả đạo
Lược nói chỉ có bốn
Là Gia hạnh, Vô gián
Cùng Giải thoát, Thắng tiến.*

Luận nói: Đạo gia hạnh, nghĩa là nhờ tu đạo này không gián đoạn mà sinh khởi đạo Vô gián. Đạo Vô gián là đạo này có công năng diệt trừ chướng nên dứt. Đạo Giải thoát nghĩa là sinh khởi đầu tiên đã giải thoát các chướng nên dứt, Đạo thắng tiến, nghĩa là các đạo còn lại, trừ Gia hạnh, Vô gián, Giải thoát.

Đạo nghĩa là gì? Nghĩa là tìm cầu, nương dựa. Dựa vào đạo này để tìm cầu quả Niết-bàn. Do đạo này, tất cả tu khổ trí v.v... đều tìm cầu Niết-bàn. Hoặc đạo này còn được gọi là con đường Niết-bàn, nơi các Hiền Thánh của ba thừa đã dẫn bước trên con đường gian truân ấy để chóng đến hai cảnh giới Niết-bàn. Đạo này ở chỗ khác được đặt tên Thông hành, vì có thể khéo thông đạt đối với đế lý và còn có khả năng mau đến thành trì Niết-bàn.

Đạo này có bao nhiêu thứ? Căn cứ vào đâu để kiến lập? Tụng rằng:

*Thông hành có bốn thứ
Lạc dựa tinh lự gốc
Khổ dựa các địa khác
Căn độn, lợi chậm, nhanh.*

Luận nói: Kinh nói Thông hành (đạo) gồm có bốn thứ:

1. Thông hành khổ chậm.
2. Thông hành khổ nhanh.
3. Thông hành vui chậm.
4. Thông hành vui nhanh.

Bốn Thông hành này có sai khác: Vì dựa vào địa, dựa vào căn để kiến lập sự khác nhau.

Thế nào là dựa vào địa để kiến lập sai khác? Nghĩa là dựa vào bốn tính lự căn bản, nơi đã sinh ra Thánh đạo, gọi là Thông hành lạc (vui). Vì tự nhiên chuyển nên như chèo thuyền. Tự nhiên chuyển, nghĩa là do trong địa này chỉ, quán song hành, không có thêm bớt. Lại, các địa này đã có đẳng trì, thâm nhiếp năm chi, bốn chi thành tự. Dựa vào địa còn lại là Vị chí, Trung gian, Vô sắc đã sinh ra Thánh đạo, gọi là Thông hành khổ. Mặc dù đạo không phải tương ứng với khổ, khổ thọ, nhưng vì chuyển vận gian nan, nên cũng gọi là khổ. Như dựa vào đường bộ mà cưỡi ngựa v.v...

Chuyển vận gian nan là do chỉ, quán trong địa này, dù đều có, nhưng vì thêm, bớt, nghĩa là ở địa Vô sắc quán giảm, chỉ tăng. Vị chí, Trung gian quán tăng, chỉ giảm. Vả lại, tất cả đẳng trì của các địa này không gồm nhiếp năm chi, bốn chi thành.

Các sự khác nói: Vì đạo của địa Vị chí khó có thể thành tự, nên đặt tên khổ. Nghĩa là có người từ trước đến nay, đều chưa được định, khởi nhiều công dụng mới được hiện tiền. Đạo này đã hiện tiền là do gia hạnh thù thắng; còn đối với tính lự căn bản dễ khởi, nên vui. Tính lự trung gian tuy đồng thuộc về một địa nhưng phẩm tâm khác diệt, phẩm tâm khác sinh. Vì rất gian nan nên cũng gọi khổ. Ví như dùng gỗ chẻ gỗ rất khó. Nghĩa là trong một địa có tâm, có tứ, phẩm tâm thô diệt, không có tâm, chỉ tứ, phẩm tâm tế sinh, phải dụng nhiều công sức. Các định Vô sắc cũng rất khó thành, nên cũng gọi là khổ, vì rất nhỏ nhiệm, nghĩa là hành tướng của định Vô sắc thật nhỏ ít, không dễ so lường, tu khó thành tự. Lại, khi từ tính lự khởi định Vô sắc, định năm uẩn diệt, định bốn uẩn khởi. Vì rất khó thành xong, nên đặt tên khổ.

Thế nào là dựa vào căn để lập ra sự sai khác?

Nghĩa là tức trong hai Thông hành: khổ, vui thì độn căn gọi là chậm lụt, lợi căn gọi là nhanh chóng. Hai hành đối với cảnh đều thông suốt, mà chậm thì nói là thông hành chậm; trái lại, gọi là nhanh chóng. Hoặc người chậm lụt, đã khởi thông hành thì gọi là thông hành chậm. Thông hành nhanh trái với đây. Hoặc hưởng Niết-bàn có chậm chạp, có

nhanh chóng. Do căn tánh chậm lụt, nhạy bén (như về sau, sẽ nói).

Hành này dùng năm uẩn, bốn uẩn làm tánh vì căn cứ theo định Sắc, định Vô sắc khác nhau. Mà gọi là Thông, nhằm biểu hiện sự thù thắng của tuệ. Như vị Kiến đạo đủ năm uẩn, nhưng vì tuệ thù thắng nên đặt riêng tên Kiến, giống như thuộc về Kiến đạo. Các trí thế tục, Kim cương dụ định cũng dùng năm uẩn, bốn uẩn làm thể, thì đặt tên Trí- Định. Nhưng có kinh trong đó nói bốn Thông hành, lấy năm căn làm tánh, cũng căn cứ ở phần thù thắng nhất mà nói. Vì là thù thắng trong tuệ thù thắng, nên đặt tên Thông.

Vì các hữu tình không có căn tánh bậc trung mà nay chỉ nói hành chậm, nhanh chững?

Có một loại nói: Người không có căn tánh phẩm trung, như Khế kinh nói: Trong căn tánh nhạy bén, chỉ có Chỉ man là bậc nhất. Trong các căn tánh chậm lụt, chỉ có Xà nô là bậc nhất.

Kinh này không nói có riêng căn bậc trung, nên biết là không có. Lại, vì đối với ba đạo, mỗi đạo đều nói hai, nghĩa là trong Kiến đạo, chỉ thấy nói có Tùy tín và Tùy pháp hành khác nhau. Trong Tu đạo chỉ thấy nói có Tín giải và Kiến chí. Trong đạo Vô học, chỉ thấy nói có sự sai khác giữa hai đạo: Thời và Bất thời. Nếu thừa nhận có căn bậc trung thì đều phải nói ba đạo.

Nếu vậy, thì trái với Khế kinh. Như nói: Hữu tình thế gian sinh trưởng có sự sai khác của ba căn: Nhạy bén, trung bình và chậm lụt.?

Điều này không trái nhau. Căn cứ Phật xuất thế, loài hữu tình kia nhập đạo lúc đầu, giữa, sau không đồng, nên nói như thế. Người đầu tiên vào đạo, như A Nhã Đa Kiều Trần Na v.v..., người vào đạo sau như Thiện Hiền v.v..., khoảng giữa, nghĩa là người khác. Hoặc căn cứ ở phần giải thoát của chủng loại hữu tình, vì có thượng, trung, hạ, nên nói như vậy không có trái. Tuy nhiên về lý, chắc chắn phải có người căn bậc trung, nghĩa là trong một chủng tánh của Tùy pháp hành, có Đại Thanh văn, Độc giác, Đại giác, không thể nói là phẩm căn kia không có sai khác. Lại, trong Khế kinh nói: Tùy pháp hành thuộc về căn tánh chậm lụt như nói: Người năm căn tăng thượng, mạnh mẽ, nhạy bén, cùng cực viên mãn, gọi Câu giải thoát, cho đến nói rộng. Tuy nhiên, trong Thông hành không nói riêng có người thuộc hành phẩm trung. Vì không nói rõ ràng nên sách thế gian, cũng tthuận theo. Rõ ràng chỉ thấy biểu thị thượng, hạ, không phải trung. Do đó, đã giải thích ý đạo chỉ hai là vậy.

Lại, căn mà thuyết kia đã dẫn kinh thứ nhất đã nhất định chứng

thành có căn bậc trung, nghĩa là đã nói có căn tánh nhạy bén bậc nhất, thì biết còn có căn tánh nhạy bén khác mà không phải cùng cực, chỉ đối với người đần độn, chậm lụt thì nói là có người lanh lợi, nhạy bén mà thôi. Lại, đã nói là có căn tánh chậm lụt bậc nhất, thì sẽ biết lại còn có căn tánh chậm lụt khác, chứ không phải rốt ráo, chỉ đối với người nhạy bén, nói là chậm lụt, nên quyết định thừa nhận có căn tánh bậc trung.

Vì trong kinh nói có ba căn, nên dựa vào căn lập đạo, thì cũng có ba, chỉ vì không phân chia rõ ràng, nên nói là hai. Tuy nhiên, tánh của căn bậc trung được gồm nhiếp ở trong hai: nhạy bén, chậm lụt, nhưng không phải mức tốt cùng, nên biết tùy theo tướng này mà nói Thông hành chỉ lập chậm, nhanh, không có riêng loại trung bình. Nhưng trên đã nói: Do căn tánh nhạy bén, chậm lụt, đối với hưởng viên tịch có nhanh, có chậm. Đây là căn cứ đồng tu, siêng năng gia hạnh mà nói. Nếu không căn cứ bình đẳng, thì sẽ có căn tánh chậm lụt, nhạy bén hưởng Niết-bàn chậm, nhanh không nhất định.

Lại, Khế kinh nói: Có hiện pháp chậm, thân hoại nhanh v.v... bốn luận chứng sai khác.

Đây là căn cứ gia hạnh có siêng năng, chẳng siêng năng, không căn cứ chuyển căn và có lui sụt mà nói. Vì các bậc Thánh nếu đã là hạng Kinh sinh thì không lui sụt, không chuyển căn, không sinh cõi trên. Đại giác, Độc giác đến rốt ráo, Thanh văn dựa vào Thông hành nào để nhập Thánh, chứng quả tốt cùng?

Đại giác chỉ dựa vào Thông hành nhanh nghĩa là dùng tĩnh lực thứ tư làm chỗ nương dựa. Do căn rất nhạy bén, nhập chánh quyết định, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác

Dụ Lâm giác trong Độc giác thì nói như Đại giác. Ngoài ra thì không nhất định. Đối với đạt đến rốt ráo, trong hai Thanh văn: Ngài Xá-lợi-tử dựa vào Thông hành khổ nhanh và Thông hành lạc nhanh nhập Thánh, chứng quả tốt cùng. Tôn giả dựa vào Vị chí nhập chánh quyết định, dựa vào định thứ tư đắc Lộ tận. Tôn giả Mục Liên chỉ dựa vào Thông hành khổ nhanh nghĩa là dựa vào Vị chí nhập chánh quyết định, và dựa vào định Vô sắc mà đắc Lộ tận.

Hai Thánh từ trước đến nay, vì ưa tuệ, ưa định, nên chứng quả tốt cùng, dựa vào sắc, Vô sắc, được kể là các đại Thanh văn đạt đến rốt ráo. Với pháp như thế (pháp nhĩ) chỉ nên đắc quả dần dần. Cho nên các Thanh văn vào Thánh đạo đều dựa vào đạo của địa Vị chí, cũng gọi là pháp Bồ-đề phần

Pháp Bồ-đề phần này có bao nhiêu thứ? Danh nghĩa thế nào?

Tụng rằng:

*Giác phần: ba mươi bảy
Như là bốn niệm trụ v.v...
Giác là Tận-Vô sinh
Thuận với đây gọi phần.*

Luận nói: Kinh nói Giác phần có ba mươi bảy: Bốn niệm trụ, Bốn chánh đoạn, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo. Tận-Vô sinh trí gọi là giác. Người thuận theo giác, lập riêng ba Bồ-đề:

1. Bồ-đề Thanh văn.
2. Bồ-đề Độc giác.
3. Bồ-đề vô thượng

Vì tùy miên vô trí đều dứt hẳn và biết như thật việc mình đã làm, không còn làm lại nữa, nên Tận-Vô sinh trí được gọi là giác. Vì ba mươi bảy pháp thuận với hướng Bồ-đề, nên đều gọi là pháp Bồ-đề phần.

Thể của ba mươi bảy pháp này đều khác nhau. Không như vậy thì thế nào? Tụng rằng:

*Thật sự chỉ có mười:
Là tuệ, căn, định, tín
Niệm, hỷ, xả, khinh an
Và giới, tâm làm thể.*

Luận nói: Dù có ba mươi bảy tên gọi trong Giác phần này nhưng thật ra chỉ có mười. Đó là tuệ, căn v.v..., Nghĩa là bốn niệm trụ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp, giác chi, chánh kiến, dùng tuệ làm thể. Bốn chánh đoạn, căn tinh tiến, lực tinh tiến, tinh tiến giác chi, chánh tinh tiến, dùng căn làm thể. Bốn thần túc, định căn, định lực, định giác chi, chánh định, dùng định làm thể. Tín căn, tín lực, dùng tín làm thể. Niệm căn, niệm lực, niệm giác chi, chánh niệm, dùng niệm làm thể. Hỷ giác chi, dùng hỷ làm thể. Xả giác chi dùng hành uẩn gồm nhiếp xả làm thể. Khinh an giác chi dùng khinh an làm thể. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, dùng giới làm thể. Chánh tư duy dùng tâm làm thể.

Như thế, Giác phần thật chỉ có mười. Năm pháp trước tức là năm căn như tín căn v.v... do cảnh v.v... khác được chia làm ba mươi. Lại thêm hỷ, xả, khinh an, giới, tâm. Giới được chia làm ba, tổng cộng thành bảy, cùng với trước hợp thành ba mươi bảy thứ.

Sư Tỳ-bà-sa nói có mười một: Thân nghiệp, ngữ nghiệp không xen lẫn nhau. Giới được chia làm hai. Chín thứ còn lại đồng với trước.

Ba thứ: Niệm trụ, Chánh đoạn, Thần túc danh không có lệ thuộc

riêng, sao nói riêng làm tuệ, cần, định? Tụng rằng:

*Bốn niệm trụ, chánh đoạn
Thần túc tùy tăng thượng
Gọi là tuệ, cần, định
Thật các gia hạnh thiện.*

Luận nói: Pháp thiện của ba phẩm như Niệm trụ v.v... thể thật sự gồm nhiếp các gia hạnh thiện, nhưng thuận theo thiện căn tăng thượng của phẩm đồng, như thứ lớp, gọi là tuệ, cần và định.

Vì sao ở tuệ lập tên gọi Niệm trụ?

Vì tuệ do sức của niệm duy trì khiến cho trụ.

Vì sao gọi Cần (siêng năng) là Chánh đoạn?

Ở trong vị tu, chánh tu tập đoạn, vì lực siêng năng này có thể dứt trừ lười biếng. Hoặc gọi là Chánh thắng. Trong việc gìn giữ chân chánh, sách tấn thân, ngữ, ý thì Cần này hơn hết. Cho nên gọi Cần là Chánh đoạn.

Vì sao ở Định đặt tên Thần túc?

Vì đối tượng nương dựa của các đức linh diệu. Trong đây, Kinh chủ nói thế này: Có sư khác nói: Thần là chân của định, nghĩa là Dục v.v..., Như thế, lẽ ra Giác phần sự có mười ba, vì thêm Dục, Tâm. Lại, trái với kinh nói, như Khế kinh nói: Nay, Ta vì ông nói về thần túc v.v... Thần, nghĩa là thọ dụng các thứ cảnh thần, từ một làm nhiều, cho đến nói rộng. Túc, nghĩa là bốn Tam-ma-địa như dục v.v... Trong đây, Đức Phật nói quả của định gọi là thần. Dục v.v.. vốn sinh Đẳng trì gọi là túc. Không có lỗi như thế. Sư kia thừa nhận thể của Đẳng trì túc là thần cũng là thần túc. Kinh kia đã nói túc nghĩa là Dục v.v... ấy là biểu thị Đẳng trì có bốn thứ. Cho nên nêu nhân, biểu thị quả, mà nói Dục v.v..., Nhưng các Đẳng trì gồm có hai thứ:

1. Đối với sự thù thắng của vị gia hạnh thiện căn

2. Đối với sự thù thắng của vị thành mãn thiện căn

Thứ trước gọi là thần túc, sau gọi là thần. Cho nên, Khế kinh nói: Do Dục tăng thượng, đã đắc định thù thắng, gọi là Dục Đẳng trì. Đây túc nói về định của vị gia hạnh. Lại nói: Phương tiện vì đoạn pháp ác bất thiện đã sinh, cho đến làm cho pháp thiện đã sinh, an trụ rộng thêm. Vì trước từ Dục định sinh khởi ham muốn phát ra tinh tấn gắng sức nhiếp tâm, trì tâm. Đây là nói về định nhiếp tâm của vị thành mãn thiện căn. Nghĩa là tuệ trì tâm, định nhiếp trì tâm là tướng của tuệ.

Lại nói: Dục, Cần, Tinh tấn, Nhiếp tâm, Trì tâm... cho đến nói rộng.

Thế nào là Dục v.v... do Dục Đẳng trì khởi?

Đây nhằm chỉ rõ cái dục khởi sau là do đẳng dẫn tức là nghĩa khi tu đẳng trì dục gia hạnh thành mãn đã chứng quả. Lại nói vị này, hoặc Dục, hoặc Cần, hoặc Tín, hoặc Khinh an, hoặc Niệm, hoặc Chánh trí, hoặc Tư, hoặc Xả, đều gọi là Thắng hạnh.

Dựa vào tu nào để đặt tên gọi Thắng hạnh? Vì dựa vào tu tạo thân, nên gọi Thắng hạnh.

Do lý như thế, nên kinh tiếp nói: Thắng hạnh như vậy và Dục định trước, hợp gọi là Dục định Thắng hạnh Thần túc.

Nói Thần túc là nghĩa đối tượng nương tựa của thân, vì định của dục trước kia là nhân của định sinh trước, dục khởi sau v.v..., là nhân của định câu sinh, nên trong thắng hạnh không nói lại. Nhân định, quả định, nhất định không chấp nhận đều cùng có. Nếu có Dục câu sinh v.v... thì đối với định đã tu có công năng gì?

Nếu tách rời, thì các pháp Dục câu sinh v.v..., chắc chắn sẽ không sinh. Vì định so với trong nhóm câu sinh thì thù thắng nhất. Cho nên nói mọi sở tu khởi Dục định trước làm gia hạnh là căn bản để cầu được thắng định sau.

Do lý như thế, nên kia nói thể của Đẳng trì tức là thân, cũng là thần túc. Do đó, không có lỗi Giác phần thêm Dục, Tâm.

Lại, thuyết kia cũng không có lỗi trái với Khế kinh, nên Kinh chủ kia tự giải thích văn Khế kinh này rằng: Dùng tiếng thân để nói về quả thân, như quả biết khắp, nói là tiếng biết khắp. Đã nói như thế, chắc chắn là hợp lý.

Do đó, kinh nói: Thế nào gọi là hướng đến tu đạo Thần túc? Nghĩa là tám chi Thánh đạo thuận với thanh tịnh. Kinh lại nói: Đại đức, nay Ta nói nhất định có thần như thế. Nhưng tánh thân như thế là thấp kém, là pháp mà các loại phàm phu vốn đã thành, không phải Thánh, không phải tánh Thánh, không phải thông, không phải tánh thông, nên không thể đạt được Bồ-đề, không thể đạt được Niết-bàn. Do đó, không nên tu thần túc này. Tám Thánh đạo này là đáng hướng đến mong cầu, chỉ vì dứt trừ chướng định, có khả năng chứng tĩn lự căn bản, ấy là hợp lý. Mặc dù định tức là thân, mà kinh này nói là quả thân biến hiện sự tướng gọi là thân; muốn làm cho hiểu từ thô ngữ đến nghĩa vi tế, đồng thời biểu thị định là nhân gần của thân kia. Cho nên nói như thế mà không có lỗi trái với kinh.

Vì sao Tín v.v... đặt tên là Căn, Lực?

Vì tăng thượng, vì khó khuất phục.

Vì sao năm pháp này, trước gọi là Căn, sau gọi là Lực?

Do năm pháp này căn cứ phẩm thượng, hạ, chia ra trước, sau. Lại vì dựa vào tính chất có thể khuất phục, không thể khuất phục, Thế dụng của tín v.v... thuộc phẩm dưới là yếu kém, nên vẫn bị khuất phục do đồng loại đối trị. Phẩm trên thì trái lại, nên được gọi là Lực.

Nói Giác chi thì có nghĩa gì?

Nghĩa khả năng giác ngộ, gọi là Giác chi.

Nếu vậy, Giác chi chỉ nên có một. Không vậy, thì Niệm giác chi v.v... là phần Trạch pháp; vì đều thuận với Trạch pháp, từ tính chất thù thắng đặt tên. Hoặc chi của Giác là nghĩa Giác chi?

Nếu vậy, thì nên thừa nhận Giác chi chỉ sáu. Không vậy, thì Trạch pháp là giác, cũng là Giác chi; sáu thứ còn lại là Giác chi, chẳng phải giác.

Chi Đạo đã nói là có nghĩa gì?

Nghĩa tìm cầu, nương tựa, gọi là chi Đạo.

Nếu thế, thì chi đạo nên chỉ có một, không vậy, thì bảy pháp còn lại là phần Chánh kiến, đều thuận với Chánh kiến, từ thù thắng được gọi tên.

Hoặc chi của Đạo là nghĩa chi Đạo.

Nếu thế, thì phải thừa nhận chi Đạo chỉ bảy. Không như vậy, thì Chánh kiến là đạo, cũng là chi Đạo, bảy thứ còn lại là chi Đạo, không phải là Đạo.

Sẽ nói vị nào, phần giác nào tăng? Tụng rằng:

Nghiệp đầu thuận quyết trạch

Và vị Tu-Kiến đạo

Bảy phẩm như Niệm trụ v.v...

Nên biết thứ lớp tăng.

Luận nói: Ở vị tu nghiệp đầu tiên, nói là niệm trụ tăng, nghĩa là trong vị này, vì dứt bỏ điên đảo. Nhờ thế lực của niệm mà có thể thẩm tra biết rõ đối với tự tướng, cộng tướng của cảnh thân. Phá vỡ hai thứ ngu này nhờ công dụng thù thắng của tuệ.

Đối với vị pháp Noãn, nói Chánh đoạn tăng, nghĩa là trong vị này, nhận thấy lỗi của sinh tử, công đức của Niết-bàn, tỏ ra công năng mạnh mẽ, phát khởi siêng năng tinh tiến, sẽ không rơi vào vòng sinh tử, nhanh chóng hưởng Niết-bàn. Cho nên tác dụng của Chánh cần (Chánh đoạn) là thù thắng.

Đối với vị Đánh pháp, nói Thân tức tăng. Nghĩa là trong vị này, có khả năng chế phục thức tâm, hưởng vị bất thoái, sau cùng không thiếu

các thiện căn như tín v.v...Cho nên, tác dụng của định thù thắng.

Đối với vị Nhẫn pháp, nói Năm căn tăng. Nghĩa là trong vị này, dứt hẳn đường ác, cuối cùng không thoái đọa, nhanh chóng tiến vào nghĩa tăng thượng ly sinh, thành nghĩa của căn tăng thượng.

Đối với vị Thế đệ nhất, nói Năm lực tăng. Nghĩa là trong vị này, không bị phiền não khuất phục. Cho nên, nghĩa Lực là thù thắng.

Mặc dù trong vị Nhẫn cũng chấp nhận có nghĩa của Lực, nhưng không phải quyết định, cho nên không nói. Hoặc trong vị này không bị khuất phục do tất cả pháp phạm phu khác, nên ở vị này, tăng riêng về nghĩa Lực.

Trong vị Tu đạo, gần với vị Bồ-đề có trợ giúp giác ngộ mạnh, nên nói Giác chi tăng. Hoặc trong vị này đoạn chín phẩm hoặc, luôn luôn tỉnh giác, nên nghĩa Giác chi tăng.

Trong vị Kiến đạo, nghĩa đạo vốn có đều đầy đủ, nên nói chi Đạo tăng. Nghĩa là tìm cầu nương tựa và chung qua lại các cõi. Vì hai nghĩa này đầy đủ, nên gọi là đạo.

Trong vị Kiến đạo, có hai nghĩa rất thù thắng: Vị Kiến đạo, khi tuệ Thánh mới sinh, thì như thật tìm cầu để ly. Đó là rất thù thắng. Lại, ở vị này, không khởi tâm trông mong, vì nhanh chóng đi qua lại các cõi. Đó là rất thù thắng. Cho nên tùy theo sự thường luôn ấy mà tăng.

Trong Khế kinh, trước bảy, sau tám, chẳng phải tu thứ lớp. Có chỗ khác, ở đây lập thứ lớp rằng: Đầu tiên hết, hành giả nhờ thế lực của tuệ như thật biết rõ đối với tự tướng, cộng tướng của thân v.v... dẫn khởi các thiện. Như người có mắt dẫn đường cho người mù. Vì thế, trước nói Bốn niệm trụ. Do Bốn niệm trụ hiểu rõ các cảnh rồi, đối với việc dứt ác, tu thiện, làm phát khởi chánh căn, nên đối với thứ hai, nói Bốn chánh đoạn. Do sức của chánh căn, khiến trong nối tiếp nhau, lỗi lầm tổn giảm, công đức tăng thịnh. Đối với định thù thắng mới có khả năng tu tập, nên Thần túc được nói ở thứ ba.

Định thù thắng làm nương tựa, bền khiến cho Tín v.v..., làm duyên tăng thượng cho pháp thế gian, xuất thế gian. Do đó Năm căn nói ở thứ tư.

Nghĩa Căn đã lập, có khả năng chiêu cảm đường ác, vì nghiệp ác, phiền não không thể khuất phục. Do đó, Năm lực được nói hàng thứ năm.

Nghĩa Lực đã thành, có năng lực giác ngộ như thật cảnh của bốn Thánh đế, vì không có hoài nghi, lo nghĩ, nên nói Bảy giác chi ở thứ sáu.

Đã biết rõ như thật cảnh của bốn Thánh đế, chán bỏ sinh tử, ưa hướng đến Niết-bàn, nên nói về chi Đạo, dùng làm thứ bảy. Trong bảy bước này mỗi mỗi nói theo thứ tự, như giải thích Kinh Luận nên tìm hiểu chính đáng. Nay, trong luận này chỉ tư duy, lựa chọn pháp tướng. Đối với thứ lớp, về lý, không nhọc công phiền phức thuật lại.

Nay, ở đây nên nói Giác phần có bao nhiêu chỉ là vô lậu? Bao nhiêu là hữu lậu? Tụng rằng:

*Bảy giác, tám chi đạo
Hoàn toàn là vô lậu
Lực căn ba, bốn, năm
Đều có cả hai thứ.*

Luận nói: Bảy giác, tám chi Thánh đạo trong đây, chỉ là vô lậu, chỉ kiến lập ở trong vị Tu đạo, Kiến đạo. Nghĩa là trong vị Tu đạo thì bảy Giác chi tăng trưởng tiến gần đến Bồ-đề, là vì trị Hữu đánh, nên thể của Giác chi hoàn toàn vô lậu. Tất cả Giác phần đều hỗ trợ Bồ-đề, chỉ bảy chi giác này nêu riêng tên chi Giác vì gần gũi quả Bồ-đề nhất. Do ý nghĩa này chứng bảy Giác chi, nên biết chỉ căn cứ chỗ đối trị Hữu đánh mà nói. Đây là loại đứng đầu đối trị địa dưới, chỉ ở vô lậu, đặt tên Giác chi.

Nếu không thừa nhận như thế, sao không thông cả hai?

Hoặc ở trong tất cả phần Bồ-đề, dựa vào sự lân cận với Bồ-đề, đặt tên là chi Giác. Vị Tu đạo trong đạo, gần gũi với tánh Bồ-đề, chỉ vì là vô lậu, nên Tu đạo vô lậu, mới đặt tên chi Giác.

Trong vị Kiến đạo, thì tám chi Thánh đạo tăng trưởng hơn nên hoàn toàn thuộc về tánh vô lậu. Mặc dù chánh kiến v.v... cũng có cả hữu lậu, nhưng chánh kiến ấy không được gọi là chi Thánh đạo. Tên chi Thánh đạo là gọi vô lậu.

Lại, các Luận giả đều thừa nhận vì nói sau Giác chi thuộc pháp của Giác phần nên nhất định là vô lậu. Nếu nói ở trước, ấy là chung cho cả hai thứ. Sau Giác chi, mới nói chi Đạo, nên tám chi Đạo hoàn toàn vô lậu. Pháp khác chung cả hai nghĩa theo tiêu chuẩn trên đã thành. Nghĩa là trong Giác phần, vị trước tăng, nghĩa là phần Giác kia đối với thể dụng của vị sau cũng tăng. Vị sau tăng, nghĩa là không phải ở vị trước. Cho nên Tỳ-bà-sa nói thế này: Từ vị nghiệp đầu tiên, đến Tận Vô sinh, niệm trụ thường tăng, cho đến nói rộng.

Ba mươi bảy pháp này, địa nào có bao nhiêu pháp? Tụng rằng:

*Sơ tinh lực, tất cả
Vị chí trừ Hỷ căn*

*Nhị tinh lự trừ Tâm
Trung, Tam, Tứ trừ hai
Ba trước, địa Vô sắc
Trừ Giới và Tâm, Hỷ
Ở Hữu Đảnh cõi Dục
Trừ Giác và chi Đạo.*

Luận nói: Trong sơ tinh lự có đủ Ba mươi bảy. Ở địa Vị chí trừ Hỷ giác chi. Vì đối với pháp địa dưới, vẫn còn hoài nghi lo nghĩ, chưa có khả năng bảo đảm niềm tin, nên không sinh hỷ.

Lại, định Vị chí khi mới hiện tiền, chưa có khả năng dứt trừ phiền não địa dưới. Sau, dù đã dứt, nhưng về loại thì vì đồng với trước, nên lúc khởi định kia, đều không có hỷ.

Có thuyết nói: Tất cả đạo của địa phần gần, đều do gắng sức chuyển, nên không có nghĩa hỷ.

Tinh lự thứ hai, trừ chánh tư duy. Trong tinh lự này vì không có tâm, do Khế kinh nói: Địa kia tinh lự không có tìm tòi Đẳng trì trên địa của nó, mà chỉ chuyển thành tịch tĩnh. Do đó, Sơ, Nhị tinh lự mỗi địa có ba mươi sáu Giác phần thôi.

Tinh lự thứ ba, thứ tư, trung gian, đều trừ Tâm, Hỷ, mỗi thứ đều có ba mươi lăm. Ba cõi Vô sắc trước, trừ ba chi: Giới, Tâm, Hỷ nên mỗi cõi đều có ba mươi hai.

Hữu Đảnh cõi Dục trừ Bảy Giác chi và Bát Thánh đạo, vì không có vô lậu, nên đều có hai mươi hai.

Như thế, các địa tùy theo đối tượng thích ứng với mình, mà Giác phần ít nhiều hiện tiền không nhất định. Nghĩa là tùy theo vị mà có riêng, sau ấy hẵn bao gồm cái trước. Có thể vì nghĩa trên một thể, được chia ra làm nhiều thứ, nên có nghĩa nhiều thứ cùng lúc khởi, chỉ bốn niệm trụ, thì không cùng lúc sinh, vì căn cứ theo sở duyên chia làm bốn. Còn không có hai tuệ cùng lúc sinh, huống là cùng lúc bốn tuệ đều khởi? Không thể một tuệ căn cứ cảnh, phân ra nhiều, vì nếu duyên chung thuộc Pháp niệm trụ, thì sẽ không có một tuệ ở một sát-na duyên theo bốn cảnh, sinh bốn hành tướng.

Do lý lẽ này trong Sơ tinh lự, tóm lại đủ ba mươi bảy. Nhưng ở một niệm hiện ngay ở trước tối đa chỉ chấp nhận có ba mươi bốn. Như thế, Vị chí, tinh lự thứ hai tối đa chỉ chấp nhận có ba mươi ba. Trung gian, tinh lự thứ ba, thứ tư tối đa là ba mươi hai. Ba Vô sắc trước tối đa là hai mươi chín. Hữu Đảnh cõi Dục tối đa là mười chín, vì tất cả đều trừ ba niệm trụ, nên trong đó giảm, nghĩa là tùy theo vị nên tư duy.

Vì sao tâm vương không lập làm Giác phần?

Về lý cũng thâm nhiếp ở trong niệm trụ v.v... Tâm vương kia thật sự gồm nhiếp các gia hạnh thiện. Nhưng không lập riêng như tuệ v.v... Tâm ở trong phần tạp nhiễm, thanh tịnh, thế dụng quân bình, không nghiêng về bên nào. Giác phần chỉ ở trong phần thanh tịnh với thế dụng tăng mạnh. Cho nên không lập Tâm vương làm Giác phần.

Có sư khác nói: Giác phần thường duyên theo cộng tướng của các pháp. Tâm vương phần nhiều duyên theo tự tướng sinh, cho nên không lập.

Có sư khác lại nói: Tu tập Giác phần, vốn vì đối trị tất cả phiền não. Nhưng các tâm sở phiền não không phải tâm, nên pháp chủ thể trị không phải tâm, chỉ là trái nghịch với những chướng đã trị mà kiến lập.

Có thuyết nói: Giác phần trợ giúp nơi giác, Giác là tâm sở lấy tuệ làm thể, nên không thể tâm vương giúp đỡ tâm sở, như vua không thể phụ tá cho quan. Cho nên Tâm vương không được lập làm Giác phần.

Có sư khác nói: Tâm dẫn dắt thế gian ở các cõi các đường, sinh tử luân hồi không dứt. Còn tu tập Giác phần để dứt sinh tử. Do đó, Tâm vương không được lập làm Giác phần.

Có sư khác nói: Từ vô thủy đến nay, tâm bị rất nhiều phiền não tạp nhiễm, nên rong ruổi, phân tán nơi các cảnh, cần bướng, hung dữ rất khó điều phục. Vì điều phục tâm nên tu tập Giác phần. Do đó Giác phần không phải là đối tượng điều phục, mà là chủ thể điều phục. Vì thế, Tâm vương không thể lập làm Giác phần.

Duyên cớ gì trong các Đại địa tâm sở pháp chỉ lập bốn pháp làm Bồ đề phần?

Thật ra, gồm nhiếp chung trong Niệm trụ v.v..., tâm sở kia thật sự gồm nhiếp các gia hạnh thiện, nhưng sở dĩ kiến lập riêng niệm, định, tuệ là do ba thứ này thuận với phẩm thanh tịnh với thế dụng tăng mạnh, có thể lập Giác phần. Tưởng, tư, xúc, dục vì thế dụng, mạnh mẽ lại ở trong phần nhiễm, nên không lập riêng. Đối với quán giả tưởng thì thắng giải, riêng gia tăng, còn Giác phần chỉ gồm nhiếp thuận với quán chân thật, do đó thắng giải không phải thuộc về Giác phần.

Có sư khác nói: Đến vị Vô học, thắng giải mới tăng. Vì kinh chỉ lập làm chi Vô học, nên vị Hữu học pháp phần Bồ-đề tăng. Do đó làm cho sức nhân có thể dẫn khởi ba Bồ-đề, vì thế Thắng giải không phải thuộc về Giác phần. Thế lực của tác ý có công năng phát động tâm, khiến cho sở duyên dời đổi bất định. Giác phần đối với cảnh quán sát

thẩm tra kỹ khiến tâm chuyên nhất, trái với tác ý. Thế nên, tác ý không thuộc về Giác phần.

Nếu vậy, sao lập Tâm làm Giác phần ?

Tâm đối với cảnh giới tuy có thôi thúc phát tâm, nhưng muốn cho tâm tìm tòi, đạt đến lý, không phải làm cho tâm đối cảnh mà hư hoại, dao động bất định. Hơn nữa có công năng thôi thúc phát tâm quán sát thẩm tra kỹ đối với cảnh làm phát sinh chánh kiến. Do đó tác ý không thể so sánh như tâm.

Có sư khác nói: Hoặc nhiễm, hoặc tịnh, ở vị đầu tiên nhận lấy cảnh, nếu sức tác ý tăng thì nói là tác ý phi lý, tác ý như lý. Nếu đến cảnh nối tiếp nhau mà thế lực của tác ý đó nhỏ ít thì không lập làm Giác phần, phiền não. Giác phần, phiền não chủ yếu đến cảnh, trong vị nối tiếp nhau, mới tăng tịnh thêm. Thế dụng Thọ ở trong phần thanh tịnh, tạp nhiễm đều cùng tăng thì lập Giác phần. Do đó, trong chi duyên khởi lưu chuyển lập làm chi Thọ và trong Bồ-đề phần đối với hoàn diệt, lập Hỷ giác chi.

Có sư khác nói: Thọ đối với tạp nhiễm, dù là tăng thượng, nhưng với phẩm tịnh, tạo nên việc lợi ích, cũng có công năng. Như Chiên đồ la, tánh dù thô bỉ, thấp kém nhưng vẫn có khả năng làm việc lợi ích cho dòng họ cao quý. Cho nên đối với tĩnh lực, làm chi tạo lợi ích, lập hiệu Giác chi trong Bồ-đề phần

Vì sao ba thọ đều có cả vô lậu, Giác phần chỉ Hỷ không phải hai thứ còn lại?

Vì Giác phần là hành tướng mạnh mẽ, nhạy bén, hành tướng Lạc, Xả chậm lụt, nên không phải.

Có sư khác nói: Lạc thọ là niềm vui. Xả thọ là khinh an. Vì hiện hành tướng trái ngược lại của xả là không rõ ràng, cho nên không lập.

Vì sao trong Đại thiện tâm sở pháp, chỉ lập bốn pháp làm Bồ-đề phần?

Thật ra cũng đều thuộc về niệm trụ v.v... thật ra thấu gồm chung cả gia hạnh thiện, nhưng lập riêng Tín, Cần, An, Xả, là do thuận với Giác mạnh.

Bốn thứ ấy thuận với Giác mạnh là thế nào?

Vì phát hươg Bồ-đề, Tín là đứng đầu, sắp tu các hạnh, Tín là nền tảng đầu tiên, nhân, quả thanh tịnh, lấy Tín làm gốc. Nếu không có niềm tin thì người tu hươg đi không thành, nên lập Tín căn làm Giác phần.

Có sư khác nói: Như phèn lóng nước bỏ vào nước đục, nước sẽ

lóng trong khiến các người có mắt nhìn rõ các sắc tượng. Như thế, dùng Tín để vào trong phẩm tâm, có công năng khiến đều sinh phẩm tâm lắng sạch. Do đây có thể thấy lý bốn Thánh để tăng trưởng dần thành Tam Bồ-đề. Cho nên Tín rất thích hợp làm Giác phần.

Cần, đối với các công hạnh, có công năng phát phần chấn khắp, khiến cho hành giả kia nhanh chóng hưởng đến Tam thừa Bồ-đề. Nếu không có chánh cần thì cho dù đã phát hướng, giữa chừng, lười biếng bỏ dở, sẽ không bao giờ được thành công. Thế nên, lập Cần làm Giác phần.

Có sư khác nói: Từ vô thủy đến nay sở dĩ ta không thể thấy bốn Thánh đế, là đều do tính lười biếng, không ưa lắng nghe, tư duy bốn Thánh đế lý, như lý siêng năng có thể trị chứng lười biếng kia, sao cho ưa lắng nghe, vì tư duy đúng như lý về lý bốn Thánh đế, nên có thể thấy bốn đế, mau chóng chứng Bồ-đề, nên Cần cũng nên lập làm Giác phần.

Khinh an nghỉ ngơi các việc, khiến tâm điều hòa vừa ý. Hành xả ngay thẳng khiến tâm bình đẳng, nên có thể tăng trưởng các hạnh xuất thế, khiến hành giả kia hưởng nhanh chóng đến Tam thừa Bồ-đề. Cho nên lập an, xả để làm Giác phần.

Có sư khác nói: Từ vô thủy đến nay, hôn trầm, trạo cử làm rối loạn tâm, không thấy đế lý, do đó không chứng Tam thừa Bồ-đề. Khinh an bỏ hôn trầm; hành Xả ngưng dứt trạo cử. Nhờ đó thấy lý đế nhanh chóng hưởng đến Bồ-đề. Cho nên, Khinh an, Xả cũng nên lập làm Giác phần.

Nếu vậy, Tàm, Quý (hổ thẹn) thuộc tự tánh thiện, đối với các phẩm thiện, được gọi là Bạch pháp, cũng nên lập làm pháp Bồ-đề?. Tàm quý kia không nên lập. Vì không tàm quý chỉ tương ứng với tất cả tâm ác, là chướng ngại lớn trong hủy tán giới, nhưng là sức chướng ngại nhỏ đối với thấy đế lý. Trái với không tàm quý, gọi là tàm quý thuộc về tự tánh thiện, được gọi là Bạch pháp mặc dù có công lực mạnh mẽ trong hủy tán giới mà công lực đối với định thiện lại nhỏ yếu. Trong Bồ-đề phần nhận lấy thuận với định thiện trợ giúp cho giác đế lý. Cho nên tàm quý kia không lập làm pháp Bồ-đề phần.

Nếu vậy, nên lập Vô tham, Vô sân?

Vì chúng là thiện căn, tự tánh là thiện nên cũng không thích ứng lập. Vì các tham, sân tương ứng với sáu thức, có mặt ở khắp năm bộ, là tánh tùy miên, phát nghiệp ác thô. Nếu gia hạnh nhiều sẽ đoạn thiện căn, chướng tán thiện mạnh nhưng trái với kiến đế yếu. Trái lại đây, lập

vô tham, vô sân, được thiện căn, gọi thuộc về tự tánh thiện. Mặc dù có công lực mạnh đối với nghiệp tán thiện,

Nhưng thế dụng trong giúp đỡ định thiện lại nhỏ yếu. Trong khi, pháp Bồ-đề phần nhận lấy thuận với định thiện, hỗ trợ cho giác đế lý. Cho nên, vô tham, vô sân không thể lập làm Bồ-đề phần.

Nếu vậy, Bất phóng dật (không buông lung) nên lập làm Giác phần?

Vì không buông lung, nên mọi sự thực hành đều thành. Đức Phật thường khuyên tu không buông lung. Cũng không nên lập làm Giác phần. Buông lung là ở trong vị tán buông lung làm cho tâm rong ruổi phân tán nơi năm dục, trái với thí v.v..., tác dụng mạnh đối với tán thiện chứ không có công dụng mạnh chướng ngại trong vị định. Vì trái với buông lung kia, nên lập không buông lung, chỉ có khả năng giữ gìn tâm đối với năm dục, sao cho tâm không dong ruổi, phân tán để chuyên tu thí v.v..., Cho nên đối với tán thiện dù có tác dụng mạnh, nhưng thế dụng giúp đỡ trong định thiện lại yếu kém. Trong khi, pháp Bồ-đề phần nhận lấy thuận với định thiện hỗ trợ cho giác đế lý, nên Bất phóng dật kia không lập làm pháp Bồ-đề phần.

Nếu vậy, Bất hại nên lập làm Giác phần?

Hại, làm bức não vô lượng hữu tình, đọa ba đường ác. Bất hại có thể đối trị Hại kia, vì thế cũng không nên lập. Hại duyên sự sinh ép ngặt hữu tình làm chướng ngại tu tán thiện. Bất hại trái lại với Hại. Vì lực Bất hại hỗ trợ định yếu nên cũng không thích hợp lập làm Giác phần.

Có sư khác nói: Trong Đại thiện pháp, nếu đối tượng trị mạnh, tự tánh thù thắng, thì lập làm Giác phần. Pháp khác thì không đúng. Đối tượng trị mạnh, nghĩa là tương ưng với tất cả tâm nhiễm.

Tự tánh thù thắng là giúp đỡ kiến đế. Như trước đã nói: Tín, Cần, An, Xả thì có đủ hai nghĩa. Sáu thứ như Tàm, Quý v.v... không có đủ hai. Nghĩa là Tàm, Quý, Vô tham, Vô sân, Bất hại không có hai nghĩa. Riêng Bất phóng dật thì thiếu nghĩa tự tánh thù thắng.

Vì sao tâm Ưa thích, Nhàm chán không phải Giác phần ?

Về lý, thật sự cũng là thuộc về niệm trụ v.v... thật ra gồm thâu chung gia hạnh thiện. Nhưng không lập riêng làm Giác phần, nghĩa là do hai hành tướng này trái nghịch, cùng một lúc không duyên khắp cảnh bốn Thánh đế và không có một địa vị nào chấp nhận thường hiện tiền phẩm tâm ít, hẹp này. Thế nên không lập làm Giác phần.

Có sư khác nói: Nói về người ưa, chán: do thế lực của tuệ quán cảnh dẫn sinh phần giác, nghĩa là có khả năng thuận theo cảnh quán

để sinh tuệ giác. Bởi nghĩa Ưu, Chán trái nghịch nhau nên không thích hợp lập riêng.

Vì sao hai thứ Tâm, Tứ đều chấp nhận có gia hạnh thiện và có vô lậu, mà Tâm là Giác phần, còn Tứ thì không phải?

Thật sự cũng đều có nghĩa cả hai, như trước đã nói. Nhưng lập riêng Tâm, không lập Tứ ấy là Tâm đối với Thánh đạo thúc đẩy chánh kiến mạnh. Do khi Tâm kia khởi, hành tướng mạnh mẽ, nhạy bén, tìm cầu đế lý, có giúp đỡ kiến, có thể lập làm chi Đạo. Tứ thì không như thế, do hành tướng khởi rất yếu kém.

Sư khác nói: Cùng lúc cả hai hiện hành thì hành tướng của Tâm thô, rõ rệt, lấn át nơi Tứ. Chỉ Tứ khởi thì chuyển hành tướng rất yếu kém, nên trong Giác phần, không lập riêng Tứ.

Thúc đẩy phát khởi chánh kiến tự nhiên phải có Chánh cần sao lại lập Tâm làm Giác phần?

Sự siêng năng thúc đẩy chánh kiến có khác với Tâm, nên trong chi Đạo, lẽ ra đều lập. Nghĩa là siêng năng, sách tiến hành giả kia, khiến tiến tu nhanh chóng. Sức của Tâm thì thúc đẩy khiến nhanh chóng quán Thánh đế.

Vì sao Biểu nghiệp không lập làm Giác phần?

Vì Giác phần chỉ thuận với pháp định thiện, tâm đều vô biểu, có cùng với công năng thuận theo thù thắng. Biểu nghiệp thì không như vậy, cho nên không lập.

Vì sao không lập Bất tương ưng hành, làm Giác phần?

Vì chúng đối với sự giúp đỡ giác, không có khả năng tốt nhất và do không tương ưng. Không phải như vô biểu, dù không tương ưng, nhưng lại có tác dụng là trực chính trong bánh xe chuyển pháp. Cho nên không kiến lập riêng làm Giác phần.

Có sư khác nói: Hai định vô tâm, vì dứt diệt tâm, nên trái với giác.

Bốn tướng và đặc, đối với sở tướng thành tựu có công dụng thuyên chuyển thành. Bốn tướng và đặc này khởi dụng bình đẳng đối nhiễm tịnh, pháp Bồ-đề phần vì thuận với công dụng tịnh tăng nên không lập riêng.

Vì sao không lập Tín trong bảy Giác chi và tám Thánh đạo?

Khi mới phát hướng đến thì dụng của Tín tăng thượng, đã nhập Thánh vị, lập chi Giác, Đạo lúc đó thế dụng của Tín rất kém, nên không lập trong Giác chi và Thánh đạo

Vì sao trong bảy Giác chi lập Hỷ, Khinh an, Xả mà không phải

cũng lập chúng trong Thánh đạo?

Vì chúng thiên về thuận với Giác, không thuận với Đạo.

Thuận với Giác là sao?

Trong Tu đạo, mỗi địa đều tu chín phẩm giác thù thắng, như như đối với đế, luôn luôn giác ngộ. Như thế, như thế, phát sinh Hỷ thù thắng, Do sinh Hoan hỷ mạnh nên lại vui thích quán đế, như người đào đất, được của, báu, sinh vui mừng. Do sinh mừng nên vui thích đào thêm, nữa. Cho nên, sức thuận theo đối với giác tăng. Lại chủ yếu do Khinh an nghỉ ngơi hành sự và do sức của Xả, khiến tâm bình đẳng, mới có khả năng đối với cảnh thẩm tra kỹ, quán sát biết rõ. Cho nên lập Khinh an, Xả trong Giác chi.

Ba thứ này không thuận theo Đạo là sao?

Chuyển vận nhanh chóng là nghĩa Thánh đạo, ba thứ này có chút trái với vận chuyển nhanh, vì đều có công năng khiến cho tâm trụ yên ổn.

Vì sao trong Thánh đạo, lập chi Tâm, Giới mà không phải cũng lập trong Giác chi?

Vì chúng chỉ thuận với Đạo không thuận với chi Giác.

Thuận với Đạo là sao?

Là trong Kiến đạo, Tâm thúc đẩy Chánh kiến, giúp cho nhanh chóng quán sát cảnh của tám đế thuộc cõi trên dưới. Giới có khả năng làm trực chính hoàn thành bánh xe Kiến đạo, khiến cho chuyển vận trở lại một cách nhanh chóng đối với đế lý. Cho nên Tâm và Giới đều cũng lập trong chi Đạo.

Sao Tâm và Giới không thuận với Giác?

Vì Tâm chuyển vận không vắng lặng đối với đế, vì tướng mạo tìm cầu về lý Thánh đế. Giác thì đã kiến đế, chuyển vận yên tĩnh. Cho nên Tâm đối với Giác có chút ít trái nhau. Giác tương ứng với cảnh sở duyên, hành tướng sở y, Giới trái với các pháp này. Cho nên ở Giác chi, không kiến lập Tâm, Giới. Vì vận chuyển chung gọi là Đạo, không thể làm so sánh.

Vì sao Giác phần không thấu nhiếp Thánh chủng?

Luận giả Phân biệt thừa nhận Thánh chủng thuộc về Giác phần, nên tông của luận phân biệt kia đã lập bốn mươi một Giác phần. Ta thừa nhận gồm nhiếp trong niệm trụ v.v... mà không lập làm Giác phần riêng. Vì các Giác phần, đối với người tại gia, xuất gia đều có khả năng thọ nhận, thực hành và có ưa thích, Thánh chủng chỉ có những người xuất gia, còn người tại gia có ưa, mà hẳn nhiên không có thọ lãnh, thực

hành. Cho nên không lập riêng.

Có sư khác nói: Nếu thừa nhận Thánh chủng đều là Vô tham, như trước đã giải thích, nếu thừa nhận thể thứ tư tức là Cần, thì sẽ không nhọc công gạn hỏi, vấn nạn ở trong Giác phần.

Vì sao Chứng tịnh không thuộc về Giác phần?

Thật ra cũng gồm nhiếp ở trong niệm trụ v.v... mà không lập làm Giác phần riêng, vì nghĩa của Giác phần là tiến tu gia tăng, vì phải thường xuyên hành tập, mới có khả năng chứng Bồ-đề, nghĩa bốn Chứng tịnh thì chứng đắc gia tăng, khi thấy Thánh đế từ chậm đến nhanh. Do đó, Chứng tịnh không phải thuộc về Giác phần.

Có sư khác nói: Chứng tịnh này tức Tín, Giới tùy theo sự thích ứng, cũng gồm nhiếp trong Giác phần.

